

Số: /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 25/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động Kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 39/TTr-SCT ngày 15/8/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Công Thương tham mưu văn bản thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt theo quy định.

2. Giao Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc Sở Công Thương và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Bộ Công Thương;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, các Phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Tuyết Minh**

## PHỤ LỤC

**Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh**  
(*Phê duyệt kèm theo Quyết định số...../QĐ-UBND ngày....tháng .... năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước*)

**1. Thủ tục: Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Mã TTHC: 2.000633.**

**a) Nội dung đơn giản hoá**

- Nội dung đơn giản hóa: Cắt giảm thời gian thực hiện TTHC từ **10** ngày làm việc giảm còn **09** ngày làm việc.

- Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết TTHC sẽ giảm bớt gánh nặng về chi phí tuân thủ TTHC cho doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhanh chóng, kịp thời thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh.

**b) Kiến nghị thực thi**

- Sửa đổi thời gian giải quyết đối với TTHC cấp huyện số thứ tự 04 (trang 84-85) thuộc lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước tại Danh mục TTHC được ban hành kèm theo Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV/2024.

**c) Lợi ích phương án đơn giản hoá**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 24.638.262 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 24.107.468 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 530.794 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,2%.

**2. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Mã TTHC: 1.001279.**

**a) Nội dung đơn giản hoá:**

- Nội dung đơn giản hóa: Cắt giảm thời gian thực hiện TTHC từ **07** ngày làm việc giảm còn **06** ngày làm việc.

- Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết TTHC sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ TTHC cho doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhanh chóng, kịp thời thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh.

**b) Kiến nghị thực thi**

- Sửa đổi thời gian giải quyết đối với TTHC cấp huyện số thứ tự 06 (trang 85) thuộc lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước tại Danh mục TTHC được

ban hành kèm theo Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV/2024.

**c) Lợi ích phương án đơn giản hoá**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 5.646.192 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 5.501.430 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 144.762 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,6%.

**3. Thủ tục: Cấp Giấy phép bán lẻ rượu. Mã TTHC: 2.000620.**

**a) Nội dung đơn giản hoá:**

- Nội dung đơn giản hóa: Cắt giảm thời gian thực hiện TTHC từ **10** ngày làm việc giảm còn **09** ngày làm việc.

- Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết TTHC sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ TTHC cho doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhanh chóng, kịp thời thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh.

**b) Kiến nghị thực thi**

- Sửa đổi thời gian giải quyết đối với TTHC cấp huyện số thứ tự 07 (trang 86) thuộc lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước tại Danh mục TTHC được ban hành kèm theo Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV/2024.

**c) Lợi ích phương án đơn giản hoá**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 21.097.630 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 20.373.820 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 723.810 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,4%.

**4. Thủ tục: Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Mã TTHC: 2.000181.**

**a) Nội dung đơn giản hoá**

- Nội dung đơn giản hóa: Cắt giảm thời gian thực hiện TTHC từ **10** ngày làm việc giảm còn **09** ngày làm việc.

- Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết TTHC sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ TTHC cho doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhanh chóng, kịp thời thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh.

**b) Kiến nghị thực thi**

- Sửa đổi thời gian giải quyết đối với TTHC cấp huyện số thứ tự 10 (trang 87) thuộc lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước tại Danh mục TTHC được ban hành kèm theo Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV/2024.

**c) Lợi ích phương án đơn giản hoá**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 26.831.760 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 25.866.680 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 965.080 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,6%.

**5. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Mã TTHC: 2.000150.**

**a) Nội dung đơn giản hoá**

- Nội dung đơn giản hóa: Cắt giảm thời gian thực hiện TTHC từ **10** ngày làm việc giảm còn **09** ngày làm việc.

- Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết TTHC sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ TTHC cho doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhanh chóng, kịp thời thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh.

**b) Kiến nghị thực thi**

- Sửa đổi thời gian giải quyết đối với TTHC cấp huyện số thứ tự 12 (trang 88) lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước tại Danh mục TTHC được ban hành kèm theo Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV/2024.

**c) Lợi ích phương án đơn giản hoá**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 4.975.400 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 4.734.130 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 241.270 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4,8%.

**6. Thủ tục: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Mã TTHC: 2.000162.**

**a) Nội dung đơn giản hoá**

- Nội dung đơn giản hóa: Cắt giảm thời gian thực hiện TTHC từ **10** ngày làm việc giảm còn **09** ngày làm việc.

- Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết TTHC sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ TTHC cho doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhanh chóng, kịp thời thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh.

**b) Kiến nghị thực thi**

- Sửa đổi thời gian giải quyết đối với TTHC cấp huyện số thứ tự 11 (trang 88) thuộc lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước tại Danh mục TTHC được ban hành kèm theo Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV/2024.

**c) Lợi ích phương án đơn giản hoá**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 5.216.670 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 4.975.400 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 241.270 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4,6%.